TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thế Anh

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ Trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quang H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số số 76/2023/UQ-KHCN ngày 28/02/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị P; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với chị Hoàng Thị P có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 ngày 28/4/2022 (theo hợp đồng giải ngân số LD2211801266 ngày 28/4/2022) Ngân hàng cho chị P vay số tiền

1.200.000.000.000 đồng để mua ô tô, lãi suất theo thỏa thuận; tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 ngày 14/4/2022, mở thẻ cho chị P số tiền cấp hạn mức là 60.000.000 đồng để tiêu dùng, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast BKS 15A-971.91; số khung: RPXAB2AXHMV011355; số máy: 213560022 VF20SUV do phòng Cảnh sát Giao thông - Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/5/2019 mang tên Hoàng Thị P; theo hợp đồng thế chấp kí ngày 27/4/2023; được đăng kí giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng kí giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ chị P mới trả được một phần nợ gốc và lãi, đến ngày 15/11/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng đều không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 ngày 28/4/2022 tính đến ngày 20/6/2023 là 1.226.414.470 đồng; trong đó gốc là 1.114.283.985 đồng; lãi trong hạn và quá hạn 107.971.726 đồng; phạt chậm trả 4.158.759 đồng; nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 ngày 14/4/2022 tính đến ngày 19/6/2023 là 66.202.558 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu chị P phải thanh toán của hai hợp đồng là 1.292.617.028 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Chị Hoàng Thị P trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ tín dụng, thế chấp tài sản, thời điểm phát sinh nợ quá hạn, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tiền gốc lãi còn nợ lại như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Đồng ý trả nợ cho Ngân hàng; nếu không trả được thì chấp nhận phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ là bản phô tô không được công chứng, chứng thực, chưa nộp danh mục các kỳ trả nợ, số nợ gốc, lãi bị đơn đã thanh toán, ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bảng kê tính lãi dự kiến đến ngày xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện vụ án này được Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội chuyển thẩm quyền đến do bị đơn cư trú tại huyện An Dương. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3.2] Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Đại diện Viện Kiểm sát:

[3.2.1] Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ đều có đóng dấu pháp nhân của Ngân hàng, có tài liệu có chữ kí, đóng dấu chức danh giám đốc.

[3.2.2] Quá trình xét xử, bị đơn có lời khai ngày 02/6/2023 thừa nhận các quan hệ tín dụng, số tiền được giải ngân, số dự nợ gốc lãi còn lại như diện nguyên đơn trình bày là đúng; thống nhất ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đại diện nguyên đơn trình bày là ngày 15/11/2022.

[3.2.3] Tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn đã xuất trình, giao nộp bảng kê tính gốc, lãi đến ngày xét xử; cụ thể Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 tính đến ngày 20/6/2023, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 tính đến ngày 19/6/2023.

[3.2.4] Do không có mâu thuẫn gì về tài liệu, chứng cứ, các bên không có tranh chấp gì về số dự nợ nên việc tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ cũng không làm thay đổi bản chất nội dung của vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Việc các bên thừa nhận quan hệ tín dụng; số tiền vay, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số nợ gốc, lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 ngày 28/4/2022 (theo hợp đồng giải ngân số LD2211801266 ngày 28/4/2022) và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 ngày 14/4/2022 thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Như vậy việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ của các hợp đồng tín dụng như trình bày ở trên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:

[5.1] Việc các bên thừa nhận bên vay có dùng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast BKS 15A-971.91 để thế chấp là tình tiết sự kiện không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật.

[5.2] Đối với khoản vay tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 kí ngày 14/4/2022 (trước thời điểm thế chấp) nhưng tài sản thế chấp của bên vay đã hình thành ngày 04/4/2022 theo hợp đồng mua bán ngày 04/4/2022. Tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận tài sản thế chấp để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo đảm. Trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng số 14 kí ngày 14/4/2022 các bên đã thỏa thuận tài sản thế chấp cho khoản vay này là xe ô tô. Do vậy Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản trong trường bên vay không trả được nợ của hai hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 50.779.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 1.292.617.028 đồng; trong đó: Nợ Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 ngày 28/4/2022 (theo hợp đồng giải ngân số LD2211801266 ngày 28/4/2022) tính đến ngày 20/6/2023 là 1.226.414.470 đồng; gồm gốc là 1.114.283.985 đồng, lãi trong hạn và quá hạn 107.971.726 đồng, phạt chậm trả 4.158.759 đồng; nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 ngày 14/4/2022 tính đến ngày 19/6/2023 là 66.202.558 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 20/6/2023 đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 14 ngày 14/4/2022 và kể từ ngày 21/6/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số LN2204145578078 ngày 28/4/2022 (theo hợp đồng giải ngân số LD2211801266 ngày 28/4/2022) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp chị Hoàng Thị P không trả được nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu phát mại tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Vinfast BKS 15A-971.91 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì chị Hoàng Thị P phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị P phải nộp 50.779.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 24.270.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0004519 ngày 21/4/2023.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng